

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN 05-04-2012
SỐ CV ĐẾN: 008283

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2011

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

ĐT: 05113.730.045

Fax: 05113.842.236

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4 - 5

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

6 - 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9

Thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 22

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giám đốc của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 (sau đây được viết tắt là “Công ty”), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 được thành lập mới trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư - Công nghiệp DCB với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 theo “Hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 và Công ty Cổ phần Đầu tư - Công nghiệp DCB” ngày 26/3/2008.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400616121 lần đầu ngày 04/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba tại ngày 12/3/2010.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại đường số 9, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là **24.225.000.000** đồng.

Các cổ đông đóng góp và tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2011 bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam góp cổ phần với số tiền là 10.636.550.000 đồng tương đương 43,91% vốn điều lệ của Công ty.
- Các cổ đông khác đóng góp số tiền 13.588.450.000 đồng tương đương 56,09% vốn điều lệ của Công ty.
- Cổ phiếu quỹ số tiền 185.000.000 đồng tương đương 0,76% vốn điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 bao gồm :

- Văn phòng Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 có trụ sở tại đường số 9, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại khu vực Tây Nguyên tại số 282 Trường Sơn, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thành lập theo Quyết định số 99 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400616121-004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/12/2010.
- Trung tâm Tư vấn giám sát & Kiểm định xây dựng tại số 274 Đống Đa - phường Thanh Bình - quận Hải Châu – Tp. Đà Nẵng, thành lập theo Quyết định số 13 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 3213002009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/9/2008.
- Nhà máy gạch bê tông DCB tại đường số 9 - KCN Hoà Khánh - quận Liên Chiểu – Tp. Đà Nẵng, thành lập theo Quyết định số 22 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 3213002010, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2008.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 (tiếp theo)

- Nhà máy cơ khí và Bê tông ly tâm tại Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y - Km 15 Quốc lộ 40 xã Bờ Y - huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum thành lập theo Quyết định số 23 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0400616121-002, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/3/2010.
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 6 tại số 108/9 Đào Duy Anh - phường 9 - quận Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh, thành lập theo Quyết định số 324 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 28/5/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0400616121-005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/11/2010.

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Xây dựng và kinh doanh các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cảng biển, viễn thông, văn hóa, thể thao.

Thiết kế và sản xuất các sản phẩm: Cơ khí, phụ kiện điện, gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic, cột bê tông ly tâm, ống cống BTLT và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;

Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;

Thí nghiệm, kiểm định các đặc tính của vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông;

Tư vấn về: Đấu thầu, quản lý dự án, giám sát công trình, mua sắm vật tư, thiết bị công nghệ;

Cung ứng các dịch vụ thi công công trình, vận tải, thương mại;

3. Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Công Mậu	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Ngọc Lựu	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Đỗ Viết Hoạt	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty

Ông Trịnh Công Mậu	Giám đốc
Ông Đỗ Viết Hoạt	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Phú	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm kiểm toán, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2012

Giám đốc



Trịnh Công Mậu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 111176/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011

của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 (sau đây được viết tắt là "Công ty") được lập ngày 13/02/2012, trình bày từ trang 06 đến trang 22.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh cho những thông tin trong Báo cáo tài chính; Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Hạn chế

Một số khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng của Công ty (chủ yếu của Chi nhánh Tây Nguyên và Chi nhánh Hồ Chí Minh) chưa được đối chiếu xác nhận số dư đầy đủ tại thời điểm 31/12/2011.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số VIII.01 toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh năm 2010 và năm 2011 của chi nhánh Tây Nguyên không được ghi nhận do Giám đốc đã miễn nhiệm của Chi nhánh Tây Nguyên chưa làm thủ tục bàn giao số liệu kế toán.

Công ty chưa tập hợp các chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến việc đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Chi nhánh Tây Nguyên. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này chúng tôi vẫn chưa được cung cấp hồ sơ đầu tư và các chứng từ chi phí liên quan, do vậy chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính pháp lý cũng như việc xác định giá trị của khoản mục chi phí đầu tư này.

Chúng tôi chưa được cung cấp các tài liệu bàn giao của Chi nhánh Hồ Chí Minh về văn phòng Công ty tại thời điểm 28/02/2011, Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh cho giai đoạn cuối cùng từ ngày 01/01/2011 đến 28/02/2011 chưa có xác nhận của Giám đốc Chi nhánh.

Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi chưa thể xác nhận đầy đủ về số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh Tây Nguyên và Chi nhánh Hồ Chí Minh.

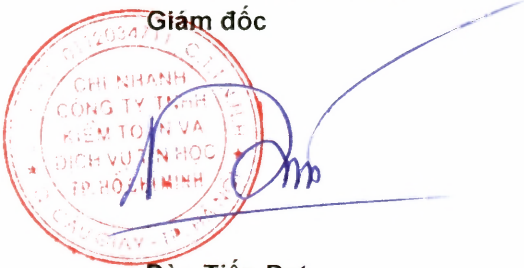
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề đã nêu và ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 6 tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, được lập phù hợp với Chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2012

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Giám đốc



Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số Đ.0078/KTV

Kiểm toán viên



Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.096.579.094	104.395.619.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.346.960.815	6.392.520.468
1. Tiền	111	V.1	3.346.960.815	6.392.520.468
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.350.000.000	3.480.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.756.731.013	4.260.481.013
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.406.731.013)	(780.481.013)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.599.914.428	60.551.351.411
1. Phải thu khách hàng	131		14.821.210.208	29.196.406.382
2. Trả trước cho người bán	132		30.530.617.503	29.676.554.687
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.189.106.104	2.407.941.658
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(941.019.387)	(729.551.316)
IV. Hàng tồn kho	140		24.201.556.247	27.429.158.201
1. Hàng tồn kho	141	V.4	24.259.725.584	27.487.127.419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.169.337)	(57.969.218)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.598.147.604	6.542.589.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.753.508	84.819.492
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		697.651.796	382.811.391
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.885.742.300	6.074.958.396
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.318.981.899	8.306.415.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		3.840.209.852	7.739.201.142
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.840.209.852	5.377.142.692
<i>Nguyên giá</i>	222		20.095.520.554	23.351.107.045
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.255.310.702)	(17.973.964.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	2.045.421.000
<i>Nguyên giá</i>	228		0	2.045.421.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	0	316.637.450
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	50.000.000	50.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000	50.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		428.772.047	517.214.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	428.772.047	517.214.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.415.560.993	112.702.035.261

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.519.339.488	87.858.721.434
I. Nợ ngắn hạn	310		75.519.339.488	87.719.974.041
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	12.411.886.659	21.057.466.530
2. Phải trả người bán	312		19.166.981.656	18.504.893.465
3. Người mua trả tiền trước	313		22.726.082.159	18.104.452.835
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.505.929.450	1.636.655.361
5. Phải trả người lao động	315		1.857.988.950	4.022.117.912
6. Chi phí phải trả	316	V.17	10.180.679.604	10.865.246.251
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7.644.368.823	13.429.409.500
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		25.422.187	99.732.187
II. Nợ dài hạn	330		0	138.747.393
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	145.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	(6.252.607)
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.896.221.505	24.843.313.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	11.896.221.505	24.843.313.827
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.225.000.000	24.225.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.000.000	50.000.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(185.000.000)	(185.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		908.015.839	908.015.839
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		697.194.559	697.194.559
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(13.798.988.893)	(851.896.571)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		87.415.560.993	112.702.035.261

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Trọng Hiên

Trần Ngọc Lựu

Trịnh Công Mậu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	29.920.438.888	89.100.148.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.920.438.888	89.100.148.738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	30.502.976.182	80.853.496.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(582.537.294)	8.246.652.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	332.137.409	464.574.400
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	6.747.036.615	3.625.326.330
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.914.536.615	2.837.886.422
8. Chi phí bán hàng	24		1.627.411.224	1.448.027.634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.138.436.276	4.717.809.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.763.284.000)	(1.079.937.087)
11. Thu nhập khác	31		7.491.957.111	557.644.250
12. Chi phí khác	32		7.055.544.240	459.603.734
13. Lợi nhuận khác	40		436.412.871	98.040.516
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.326.871.129)	(981.896.571)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	620.221.193	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.947.092.322)	(981.896.571)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(5.385,65)	(408,44)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Trọng Hiến

Trần Ngọc Lựu

Trịnh Công Mậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

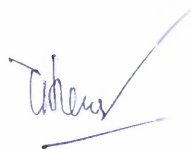
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	43.104.766.264	90.897.374.872
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(27.901.674.879)	(72.810.669.469)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.329.655.728)	(7.109.375.689)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.893.361.179)	(2.820.760.170)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(187.621.255)	(85.707.760)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.744.870.902	14.960.941.750
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.479.260.292)	(20.145.863.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(941.936.167)	2.885.939.610
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(193.381.024)	(67.448.638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS khác	22	6.250.700.000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(126.500.000)	(400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	424.000.000	879.482.100
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	332.003.080	464.093.541
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.686.822.056	876.127.003
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.709.000.000	8.668.585.800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.499.579.871)	(11.812.702.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.790.579.871)	(3.144.117.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(3.045.693.982)	617.949.582
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.392.520.468	5.774.258.899
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	134.329	311.987
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3.346.960.815	6.392.520.468

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Trọng Hiến

Trần Ngọc Lựu

Trịnh Công Mậu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 được thành lập mới trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư - Công nghiệp DCB với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 theo "Hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 và Công ty Cổ phần Đầu tư - Công nghiệp DCB" ngày 26/3/2008.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400616121 lần đầu ngày 04/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba tại ngày 12/3/2010.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại đường số 9, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là **24.225.000.000** đồng.

Các cổ đông đóng góp và tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2011 bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam góp cổ phần với số tiền là 10.636.550.000 đồng tương đương 43,91% vốn điều lệ của Công ty.
- Các cổ đông khác góp số tiền 13.588.450.000 đồng tương đương 56,09% vốn điều lệ của Công ty.
- Cổ phiếu quỹ số tiền 185.000.000 đồng tương đương 0,76% vốn điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 bao gồm:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 có trụ sở tại đường số 9, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại khu vực Tây Nguyên tại số 282 Trường Sơn, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thành lập theo Quyết định số 99 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400616121-004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/12/2010.
- Trung tâm Tư vấn giám sát & Kiểm định xây dựng tại số 274 Đống Đa - phường Thanh Bình - quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng, thành lập theo Quyết định số 13 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 3213002009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/9/2008.
- Nhà máy gạch bê tông DCB tại đường số 9 - KCN Hoà Khánh - quận Liên Chiểu - Tp. Đà Nẵng, thành lập theo Quyết định số 22 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 3213002010, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2008.
- Nhà máy cơ khí và Bê tông ly tâm tại Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y - Km 15 Quốc lộ 40 xã Bờ Y - huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum thành lập theo Quyết định số 23 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0400616121-002, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/3/2010.
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 6 tại số 108/9 Đào Duy Anh - phường 9 - quận Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh, thành lập theo Quyết định số 324 - QĐ/VNECO 6 - HĐQT ngày 28/5/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0400616121-005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/11/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2- Lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm tài chính 2011, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện, các công trình giao thông, thủy lợi. Sản xuất kinh doanh các kết cấu bê tông, cột điện bê tông ly tâm, gạch block. Thí nghiệm, kiểm định các đặc tính của vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng và kinh doanh các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cảng biển, viễn thông, văn hóa, thể thao.
- Thiết kế và sản xuất các sản phẩm: Cơ khí, phụ kiện điện, gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic, cột bê tông ly tâm, ống cống BTLT và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Khai thác, kinh doanh cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;
- Thí nghiệm, kiểm định các đặc tính của vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông;
- Tư vấn về: Đấu thầu, quản lý dự án, giám sát công trình, mua sắm vật tư, thiết bị công nghệ;
- Kinh doanh thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy thi công, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất...
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Cung ứng các dịch vụ thi công công trình, vận tải, thương mại;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, du lịch, khách sạn, lễ hành;
- Dịch vụ nhà đất;
- Sản xuất mua bán điện.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa, đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, tiền gửi tại Công ty Chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình): TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp đánh giá mức giảm giá trị và trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, vốn đầu tư sẵn sàng để bán: tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty lập bảng kê chi tiết so sánh giá chứng khoán theo sổ kế toán với giá chứng khoán trên thực tế thị trường. Trường hợp giá chứng khoán theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

số kế toán cao hơn giá thực tế trên thị trường. Công ty xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán cần trích lập theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC	x	Giá chứng khoán theo sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	---------------------------------------	---	---

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận: Chi phí trả trước và chi phí khác được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ: theo đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 2 năm kể từ ngày phát sinh. Đối với chi phí trả trước cho nhiều kỳ kế toán (như bảo hiểm tài sản, chi phí lãi vay trả trước,...) thì phân bổ theo số kỳ kế toán.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; như các khoản chi cho xây lắp các công trình, hạng mục đã phát sinh nhưng chưa thực hiện thủ tục thanh toán (khối lượng các công trình, hạng mục công trình này đã được ghi nhận doanh thu).

Cơ sở ghi nhận: chi phí trích trước được ghi nhận căn cứ vào khối lượng công việc tương ứng đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ và đơn giá dự toán được duyệt hoặc đơn giá thỏa thuận trong các hợp đồng kinh tế liên quan.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận trên cơ sở nguồn vốn bàn giao tại thời điểm 03/4/2008 từ Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 và Công ty Cổ phần Đầu tư - Công nghiệp DCB.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; lỗ do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính; các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	488.440.795	499.689.704
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.858.520.020	5.892.830.764
Cộng	3.346.960.815	6.392.520.468
(*) Tiền gửi ngân hàng	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
CN Ngân hàng TMCP Công thương Liên Chiểu	1.870.856	5.609.825
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	832.990.843	2.575.689.295
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (TKTT)	1.234.943.651	1.082.173.196
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	155.077.852	122.594.876
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.321.394	1.321.394
CN Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Đà Nẵng	1.105.442	1.105.442
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tp.HCM	1.016.708	1.718.545
CN Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Ngọc Hồi	1.413.469	257.041.155
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Đà Nẵng	10.477.923	84.505.206
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	1.015.153	1.015.153
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đà Nẵng	18.433.106	93.232.916
CN Ngân hàng Phát triển Quảng Nam	0	717.240.775
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	168.597.765	928.247.776
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đà Nẵng (USD)	0	12.716.814
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (USD)	1.665.199	0
NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN KCN Hòa Khánh	427.015.553	0
Công ty CP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	1.575.106	8.618.396
Cộng	2.858.520.020	5.892.830.764

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6**Mẫu số B09 - DN**

Địa chỉ: đường số 9, KCN Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ĐT: 05113. 730 045

Fax: 05113. 842 236

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cổ phiếu	31/12/2011 Giá trị (đ)	Cổ phiếu	01/01/2011 Giá trị (đ)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		3.756.731.013		4.260.481.013
+ VNE	70.000	756.731.013	100.000	1.260.481.013
+ SBA	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.406.731.013)		(780.481.013)
Cộng		1.350.000.000		3.480.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Các khoản đã chi đang chờ xử lý (*)	1.865.830.180	1.865.830.180
Phải thu Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	80.829.212	75.716.015
Các khoản phải thu khác	1.242.446.712	466.395.463
Cộng	3.189.106.104	2.407.941.658

(*): Trong đó bao gồm số tiền **1.450.000.000** đồng là tiền phí quản lý đã trả cho Công ty Hợp tác kinh tế 385 - Tổng Công ty 15 cần phải thu hồi từ các nhà thầu phụ.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Nguyên liệu, vật liệu	1.871.525.116	3.319.967.288
Công cụ, dụng cụ	391.725.112	367.266.571
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.060.633.035	23.008.880.543
Thành phẩm	933.724.298	788.894.994
Hàng hóa	2.118.023	2.118.023
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.259.725.584	27.487.127.419

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	4.220.761.603	10.673.568.702	7.427.804.798	1.028.971.942	23.351.107.045
Tăng do XDCB hoàn thành	27.813.394	230.984.828	163.898.688	0	422.696.910
Thanh lý, nhượng bán	(576.715.072)	(860.002.664)	(2.241.565.665)	0	(3.678.283.401)
Tại ngày 31/12/2011	3.671.859.925	10.044.550.866	5.350.137.821	1.028.971.942	20.095.520.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					0
Tại ngày 01/01/2011	2.348.688.061	9.749.850.603	4.988.430.177	886.995.512	17.973.964.353
Khấu hao trong năm	161.555.523	277.746.965	364.950.162	33.410.500	837.663.150
Thanh lý, nhượng bán	(262.422.170)	(752.538.232)	(1.541.356.399)	0	(2.556.316.801)
Tại ngày 31/12/2011	2.247.821.414	9.275.059.336	3.812.023.940	920.406.012	16.255.310.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	1.872.073.542	923.718.099	2.439.374.621	141.976.430	5.377.142.692
Tại ngày 31/12/2011	1.424.038.511	769.491.530	1.538.113.881	108.565.930	3.840.209.852

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay 3.731.643.922 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.812.436.643 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	2.045.421.000	2.045.421.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.045.421.000)	(2.045.421.000)
Tại ngày 31/12/2011	0	0
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		0
Tại ngày 01/01/2011	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0
Tại ngày 31/12/2011	0	0
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	2.045.421.000	2.045.421.000
Tại ngày 31/12/2011	0	0

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Gia công Máy sản xuất Gạch Darrzzo 3	0	230.984.828
Nhà làm việc tại Khu đất Công ty Vạn Tường	0	57.839.228
Gara ô tô	0	27.813.394
Cộng	0	316.637.450

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện Hồi Xuân	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Sửa chữa lớn tài sản	173.254.262	214.755.344
Chi phí công cụ dụng cụ	171.984.983	219.386.614
Chi phí khác	83.532.802	83.072.802
Cộng	428.772.047	517.214.760

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay ngắn hạn	12.411.886.659	21.057.466.530
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	12.411.886.659	18.636.363.530
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	0	1.222.400.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đà Nẵng	0	1.198.703.000
Cộng	12.411.886.659	21.057.466.530

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6**Mẫu số B09 - DN**

Địa chỉ: đường số 9, KCN Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ĐT: 05113. 730 045

Fax: 05113. 842 236

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	787.724.255	1.351.050.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	718.205.195	285.605.257
Cộng	1.505.929.450	1.636.655.361

17. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Trích trước chi phí thi công các công trình	10.180.679.604	10.865.246.251
Cộng	10.180.679.604	10.865.246.251

(*): Chi tiết trích trước chi phí thi công công trình:

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Đường dây 110KV đấu nối vào TBA 110KV - KCN Ông Kèo	1.507.242.543	2.356.390.322
Sản xuất cột, ống cống tại Bờ Y	100.281.629	170.849.939
Công trình ĐZ trung hạ thế Tu Mơ Rông - Kon Tum	545.187.946	824.261.653
Công trình giao thông tại CHDCND Lào	5.279.207.052	5.448.160.014
Trích trước tiền ăn ca nhà máy DCB	0	11.695.000
Nhà máy phân lân vi sinh	296.025.845	296.025.845
Nhà ăn giữa ca KCN bắc Chu Lai	320.909.455	418.841.504
Công trình cải tạo ĐZ 110KV Phú Lâm - Bà Quẹo	1.404.556.271	1.181.645.125
Công trình nâng công suất T1 TBA 110KV Đồng Văn	0	80.302.277
Công trình nâng công suất TBA 110KV Nghĩa Đàn - Nghệ An	0	56.728.095
Công trình ĐZ 220 KV Thanh Mỹ - Xe Ka Man	13.659.723	0
Công trình ĐZ 500 KV Vĩnh Tân - Sông Mỹ	346.232.227	0
Công trình ĐZ 110 KV Châu Đốc An Phú	300.000.000	0
Trích trước chi phí liên quan đến việc chuyển quyền SDD	25.855.000	0
Lãi vay phải trả	41.521.913	20.346.477
Cộng	10.180.679.604	10.865.246.251

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Tài sản thừa chờ giải quyết	40.628.948	40.628.948
Kinh phí công đoàn	132.994.024	122.061.295
Bảo hiểm xã hội	612.425.260	86.924.283
Bảo hiểm y tế	158.180.396	20.689.102
Bảo hiểm thất nghiệp	65.887.166	9.351.824
Phải trả Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	5.005.879.175	12.224.695.133
Các khoản phải trả khác (*)	1.628.373.854	925.058.915
Cộng	7.644.368.823	13.429.409.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6**Mẫu số B09 - DN**

Địa chỉ: đường số 9, KCN Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ĐT: 05113. 730 045

Fax: 05113. 842 236

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết các khoản phải trả khác

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay cá nhân (Chi nhánh Tây Nguyên vay)	500.000.000	500.000.000
Phải trả tiền đền bù CT ĐZ 220KV Srêpôk 3	97.237.704	97.237.704
Phạm Tài Lãng	397.802.724	0
Nguyễn Phan Duy Quang	95.663.261	0
Phải trả khác	537.670.165	327.821.211
Cộng	1.628.373.854	925.058.915

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay dài hạn	0	145.000.000
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	0	145.000.000
Cộng	0	145.000.000

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
SỐ DƯ ĐẦU NĂM TRƯỚC	24.225.000.000	50.000.000	(185.000.000)	908.015.839	581.317.611	2.493.684.138	28.073.017.588
Tăng khác (*)	0	0	0	0	0	130.000.000	130.000.000
Lỗ trong năm trước	0	0	0	0	0	(981.896.571)	(981.896.571)
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	115.876.948	(2.493.684.137)	(2.377.807.189)
SỐ DƯ CUỐI NĂM TRƯỚC	24.225.000.000	50.000.000	(185.000.000)	908.015.839	697.194.559	(851.896.571)	24.843.313.827
SỐ DƯ ĐẦU NĂM NAY	24.225.000.000	50.000.000	(185.000.000)	908.015.839	697.194.559	(851.896.571)	24.843.313.827
Lỗ trong năm nay	0	0	0	0	0	(12.947.092.322)	(12.947.092.322)
SỐ DƯ CUỐI NĂM NAY	24.225.000.000	50.000.000	(185.000.000)	908.015.839	697.194.559	(13.798.988.893)	11.896.221.505

Số lượng cổ phiếu quỹ là 18.500 cổ phiếu tương đương với **185.000.000** đồng.

(*) Ngày 31/5/2010, Ông Lê Xuân Hùng đã mua lại **13.000** cổ phiếu mệnh giá **10.000** đồng/cổ phiếu. Đây là số cổ phiếu có nguồn gốc do Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp DCB (nay là Nhà máy gạch DCB) đã dùng lợi nhuận sau thuế để mua lại số cổ phiếu do Công ty không bán hết khi cổ phần hóa trước khi DCB sát nhập với VNECO 6.

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	10.636.550.000	9.142.170.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.588.450.000	15.082.830.000
Cộng	24.225.000.000	24.225.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 6**Mẫu số B09 - DN**

Địa chỉ: đường số 9, KCN Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ĐT: 05113. 730 045

Fax: 05113. 842 236

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	24.225.000.000	24.225.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	24.225.000.000	24.225.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

đ- Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.422.500	2.422.500
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.422.500	2.422.500
+ Cổ phiếu phổ thông	2.422.500	2.422.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	18.500	18.500
+ Cổ phiếu phổ thông	18.500	18.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.404.000	2.404.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.404.000	2.404.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển:	908.015.839	908.015.839
Quỹ dự phòng tài chính:	697.194.559	697.194.559

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.920.438.888	89.100.148.738
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	7.669.346.060	6.722.758.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	538.751.817	730.427.197
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.708.919.746	81.646.962.927

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.679.199.759	4.079.834.242
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	461.729.838	318.485.318
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	25.362.046.585	76.467.716.977
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	(12.539.835)
Cộng	30.502.976.182	80.853.496.702

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Lãi tiền gửi	207.503.080	202.917.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.500.000	0
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	134.329	478.519
Lãi đầu tư cổ phiếu	0	261.177.900
Cộng	332.137.409	464.574.400

30. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Lãi tiền vay	4.914.536.615	2.837.886.422
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	206.250.000	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	0	227.201.783
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.626.250.000	557.017.900
Chi phí tài chính khác	0	3.220.225
Cộng	6.747.036.615	3.625.326.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.326.871.129)	(981.896.571)
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	(14.807.755.901)	(981.896.571)
Lợi nhuận từ chuyển nhượng bất động sản	2.480.884.772	0
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	168.653.125	86.363.630
Hoạt động sản xuất kinh doanh	168.653.125	86.363.630
Nộp phạt thuế	119.812.546	86.363.630
Nộp phạt chậm trả Bảo hiểm	48.840.579	0
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0
Thu nhập tính thuế	2.480.884.772	0
Thu nhập hoạt động kinh doanh	0	0
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng	2.480.884.772	0
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	620.221.193	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	620.221.193	0

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.639.655.964	41.581.443.389
Chi phí nhân công	12.821.193.968	30.816.526.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	837.663.150	962.128.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.039.305.772	8.002.366.334
Chi phí khác bằng tiền	5.004.843.694	14.278.688.016
Cộng	34.342.662.548	95.641.152.445

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.947.092.322)	(981.896.571)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.947.092.322)	(981.896.571)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.404.000	2.404.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.385,65)	(408,44)

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 - Thông tin khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6 đã miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tây Nguyên của Ông Đinh Minh Thanh theo Quyết định số 413/QĐ/VNECO 6-HĐQT ngày 12/7/2010 và bổ nhiệm Ông Nguyễn Lương Hùng làm Giám đốc Chi nhánh Tây Nguyên theo Quyết định số 414/QĐ/VNECO6-HĐQT.

Tuy nhiên cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Ông Đinh Minh Thanh chưa bàn giao số liệu, sổ kế toán và Báo cáo tài chính của năm 2010 và năm 2011. Công an thành phố Đà Nẵng đang thực hiện việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

điều tra, xác minh, thu thập tài liệu, vụ việc chưa có kết luận cụ thể. Hiện nay số liệu dùng để tổng hợp Bảng cân đối kế toán năm 2011 của toàn Công ty là số liệu Bảng cân đối kế toán của Chi nhánh Tây Nguyên tại ngày 31/12/2009 (có điều chỉnh bút toán về giảm khoản trích trước chi phí phải trả và điều chuyển tài sản về Văn phòng và Nhà máy cơ khí & Bê tông ly tâm), Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2011 của Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Tây Nguyên. Công ty tạm thời không ghi nhận toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh năm 2010 và năm 2011 tại Chi nhánh Tây Nguyên.

Số liệu Bảng Cân đối tài khoản của Chi nhánh Tây Nguyên từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011 được thể hiện ở Phụ lục 1 của Báo cáo tài chính này.

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

5 - Thông tin so sánh

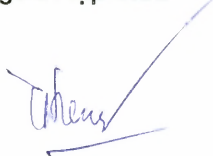
Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6 - Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu



Phạm Trọng Hiền

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Lựu

Giám đốc



Trịnh Công Mậu

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

CHI NHÁNH TÂY NGUYÊN

Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: đ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	234.737.052	0	520.000.000	517.457.681	237.279.371	0
112	Tiền gửi Ngân hàng	1.005.801	0	900.000.000	891.779.300	9.226.501	0
131	Phải thu của khách hàng	740.655.643	1.791.000.000	0	900.000.000	73.863.643	2.024.208.000
133	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	284.876.039	0	37.674.333	0	322.550.372	0
136	Phải thu nội bộ	9.853.015.158	0	0	0	9.853.015.158	0
138	Phải thu khác	542.219.510	0	0	0	542.219.510	0
141	Tạm ứng	1.389.059.046	62.170.887	0	0	1.389.059.046	62.170.887
152	Nguyên liệu, vật liệu	41.923	0	0	0	41.923	0
153	Công cụ, dụng cụ	3.079.303	0	0	0	3.079.303	0
154	Chi phí SXKD dở dang	4.354.205.952	0	0	0	4.354.205.952	0
211	TSCĐ hữu hình	1.930.358.179	0	0	0	1.930.358.179	0
214	Hao mòn TSCĐ	0	1.266.561.909	0	0	0	1.266.561.909
242	Chi phí trả trước dài hạn	68.989.728	0	0	0	68.989.728	0
331	Phải trả người bán	10.049.850.072	3.534.231.439	771.303.300	751.832.000	9.419.850.072	2.884.760.139
334	Phải trả người lao động	332.756.293	623.851.976	100.520.000	0	433.276.293	623.851.976
334	Chi phí phải trả	0	15.428.248.055	0	0	0	15.428.248.055
336	Phải trả nội bộ	0	5.578.785.433	0	0	0	5.578.785.433
338	Phải trả phải nộp khác	0	500.000.000	350.000.000	0	0	150.000.000
411	Nguồn Vốn kinh doanh	0	1.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000
627	Chi phí SX chung	0	0	381.571.348	0	381.571.348	0
Tổng cộng		29.784.849.699	29.784.849.699	3.061.068.981	3.061.068.981	29.018.586.399	29.018.586.399